

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THU HÚT FDI CỦA VIỆT NAM

● DƯƠNG VĂN HỢP

Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

DOI: <https://doi.org/10.62831/202504037>

TÓM TẮT:

Bài viết khái quát tình hình thu hút FDI của Việt Nam thời gian gần đây, phân tích một số nhân tố khách quan và chủ quan ảnh hưởng hoạt động này; từ đó đề xuất một số giải pháp thu hút FDI của Việt Nam trong thời gian tới. Nghiên cứu được thực hiện trên cơ sở báo cáo của các cơ quan chức năng về tình hình thu hút FDI của Việt Nam, kế thừa có chọn lọc kết quả của một số công trình nghiên cứu có liên quan được công bố trong thời gian gần đây.

Từ khóa: FDI, môi trường đầu tư, thu hút đầu tư, kinh tế.

1. Đặt vấn đề

Qua gần 40 năm thực hiện đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn trong thu hút vốn FDI. Năm 2024, thu hút FDI tiếp tục là một điểm sáng của nền kinh tế và Việt Nam nằm trong nhóm 15 nước đang phát triển thu hút đầu tư nước ngoài lớn nhất thế giới. Tính đến năm 2024, đã có 114 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam, các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 56 tỉnh, thành phố trên cả nước. Những kết quả đáng ghi nhận đó xuất phát từ nhiều nguyên nhân, chịu tác động từ nhiều nhân tố khách quan và chủ quan. Nghiên cứu các nhân tố tác động để có giải pháp thu hút FDI hiệu quả, bền vững trong thời gian tới là yêu cầu có tính cấp thiết.

2. Khái quát tình hình thu hút FDI của Việt Nam

Trong những năm gần đây, hoạt động thu hút FDI của Việt Nam đã đạt những kết quả đáng ghi nhận. Tính đến hết tháng 01/2025, tổng vốn FDI đăng ký mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đạt hơn 4,33 tỷ USD, tăng 48,6% so với cùng kỳ. Vốn thực hiện của dự án đầu tư nước ngoài ước đạt

khoảng 1,51 tỷ USD, tăng 2% so với cùng kỳ. Tính lũy kế đến ngày 31/01/2025, cả nước có 42.272 dự án đầu tư nước ngoài còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký 505,4 tỷ USD. Vốn thực hiện lũy kế của các dự án đầu tư nước ngoài ước đạt hơn 324 tỷ USD, bằng 64,1% tổng vốn đầu tư đăng ký còn hiệu lực (1).

Về vốn thực hiện. Tháng 01/2025, ước tính các dự án đầu tư nước ngoài đã giải ngân được khoảng 1,51 tỷ USD, tăng 2% so với cùng kỳ. Cũng trong tháng 1 có 282 dự án đầu tư mới (giảm 6,6% so với cùng kỳ), tổng vốn đăng ký mới đạt gần 1,29 tỷ USD (giảm 43,6% so với cùng kỳ). Số lượt dự án đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư là 137 dự án (tăng 4,6% so với cùng kỳ), tổng vốn đầu tư tăng thêm đạt gần 2,73 tỷ USD (gấp gần 6,1 lần cùng kỳ). Số giao dịch mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài là 260 (giảm 12,2% so với cùng kỳ), tổng giá trị vốn góp đạt gần 322,9 triệu USD (tăng 70,4% so với cùng kỳ) (1).

FDI đã hiện diện trong 16/21 ngành kinh tế quốc dân. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đạt hơn 3,09 tỷ USD, chiếm gần 71,3% tổng vốn đầu tư đăng ký, tăng 99,1% so với cùng kỳ. Ngành kinh doanh bất

động sản đứng thứ hai với tổng vốn đầu tư gần 1,09 tỷ USD, chiếm 23,5% tổng vốn đầu tư đăng ký, giảm 6,4% so với cùng kỳ. Tiếp theo lần lượt là các ngành hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ; cấp nước và xử lý chất thải với tổng vốn đăng ký đạt lần lượt 98,8 triệu USD và 73,8 triệu USD. Còn lại là các ngành khác (1).

Công nghiệp chế biến, chế tạo là ngành dẫn đầu về số dự án mới (chiếm 42,2%) và số lượt dự án điều chỉnh vốn (chiếm 63,5%). Ngành bán buôn, bán lẻ dẫn đầu về số giao dịch mua cổ phần, mua phần vốn góp (chiếm 39,6%). Trong tháng 1/2025, 55 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư tại Việt Nam. Trong đó, Hàn Quốc dẫn đầu với tổng vốn đầu tư hơn 1,25 tỷ USD, chiếm hơn 28,9% tổng vốn đầu tư, gấp 13,4 lần so với cùng kỳ, Singapore đứng thứ hai với hơn 1,24 tỷ USD, chiếm 28,7% tổng vốn đầu tư, tăng 1,1% so với cùng kỳ. Tiếp theo là Nhật Bản, Trung Quốc, Hồng Kông,... Trung Quốc là đối tác dẫn đầu về số dự án đầu tư mới (chiếm 30,1%); Hàn Quốc dẫn đầu về số lượt điều chỉnh vốn (chiếm 19%) và mua cổ phần, mua phần vốn góp (chiếm 25,4%) (1).

Các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 39 tỉnh, thành phố trên cả nước trong tháng 01 năm 2025. Bắc Ninh dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đăng ký hơn 1,39 tỷ USD, chiếm 32,2% tổng vốn đầu tư cả nước, gấp gần 6,1 lần so với cùng kỳ. Đồng Nai đứng thứ hai với gần 959 triệu USD, chiếm 22,1% tổng vốn đầu tư đăng ký, gấp hơn 3,4 lần cùng kỳ. Hà Nội đứng thứ ba với tổng vốn đầu tư đăng ký 716,4 triệu USD, chiếm 16,8% tổng vốn đầu tư cả nước, tăng 1,9% so với cùng kỳ. Tiếp theo lần lượt là thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Bình Dương,... Nếu xét về số dự án, thành phố Hồ Chí Minh dẫn đầu cả nước cả về số dự án mới (chiếm 35,5%), số lượt dự án điều chỉnh vốn (chiếm 19%) và mua cổ phần, mua phần vốn góp (chiếm 64,2%) (1).

Như vậy, đầu năm 2025 đầu tư mới giảm tương đối (giảm 43,6% so với năm 2024) do tháng 01/2025 không có nhiều dự án lớn so với cùng kỳ, đồng thời các quyết định đầu tư mới của các nhà đầu tư nước ngoài bị ảnh hưởng của 02 kỳ nghỉ Tết Dương lịch và Âm lịch. Tuy nhiên, vốn đầu tư điều chỉnh và mua cổ phần, mua phần vốn góp vẫn tăng mạnh. Các đối tác đầu tư lớn của nhất vẫn là các đối tác truyền thống của Việt Nam và đến từ

châu Á. Riêng 5 nước dẫn đầu (Hàn Quốc, Singapore, Nhật Bản, Trung Quốc, Hồng Kông) đã chiếm 73,4% số dự án đầu tư mới và 86,5% tổng vốn đầu tư đăng ký của cả nước. Trong đó, Hàn Quốc, Nhật Bản đều tăng mạnh tổng lượng vốn đầu tư (tương ứng gấp 13,4 lần và 7,7 lần) và tăng cả về thứ hạng (tăng tương ứng 5 bậc và 4 bậc) so với cùng kỳ. Các tỉnh, thành phố có nhiều lợi thế trong thu hút FDI (cơ sở hạ tầng tốt, nguồn nhân lực ổn định, nỗ lực cải cách thủ tục hành chính và năng động trong công tác xúc tiến đầu tư,...) thu hút phần lớn lượng vốn đầu tư của cả nước như Bắc Ninh, Đồng Nai, Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Bình Dương (1).

3. Nhân tố ảnh hưởng đến thu hút FDI của Việt Nam

* Nhân tố khách quan

Chuỗi cung ứng của các công ty đa quốc gia đang trong quá trình tái cấu trúc mạnh mẽ, tác động đến xu hướng dịch chuyển vốn FDI. Hiện nay, chủ thể chính của dòng vốn FDI là các công ty đa quốc gia, chiếm khoảng 22% sản lượng toàn cầu, 70% tổng giá trị thương mại và chiếm tỷ trọng đáng kể về số lượng việc làm trên thế giới (5). Cơ sở sản xuất của các công ty đa quốc gia được phân bố ở nhiều quốc gia, phần lớn trong số đó nằm ở các nước đang phát triển, nhất là ở Trung Quốc. Tuy nhiên, quá trình phát triển các chuỗi sản xuất này đã bộc lộ một số khiếm khuyết, tiềm ẩn những rủi ro. Vì vậy, các công ty đa quốc gia đã có xu hướng đa dạng hóa và dịch chuyển các chuỗi cung ứng ra khỏi Trung Quốc, nhất là sau đại dịch Covid-19. Hơn nữa, sự tiến bộ của khoa học - công nghệ cùng sự phát triển mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã thúc đẩy đầu tư và sản xuất hồi hướng để giảm thiểu chi phí sản xuất và vận tải, cũng như tạo điều kiện để các nhà đầu tư sản xuất tiếp cận thị trường gần hơn. Do vậy, các công ty đa quốc gia đã tái cấu trúc chuỗi cung ứng, kéo theo sự dịch chuyển dòng vốn FDI theo các hướng: từ Trung Quốc sang các nước khác trong khu vực như Ấn Độ và các nước thuộc Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN); dịch chuyển toàn bộ hoặc một phần đầu tư sản xuất về nước (reshoring) hoặc về gần các nước đi đầu tư (near-reshoring).

Lợi nhuận của FDI tại các nước đang phát triển và chuyển đổi có xu hướng giảm mạnh so với tại

các nước phát triển. Trong giai đoạn 2007 - 2018, tỷ suất lợi nhuận trung bình từ FDI ở các nền kinh tế phát triển ở mức khá ổn định (đạt mức 4,0% đến 6,7%), thậm chí từ năm 2010, tỷ suất lợi nhuận này ổn định hơn (đạt mức 5,9% đến 6,7%). Trong khi đó, tỷ suất lợi nhuận trung bình từ FDI ở các nền kinh tế đang phát triển giảm từ khoảng 11,5% (năm 2011) xuống còn 7,8% (năm 2018). Ở các nền kinh tế đang chuyển đổi, tỷ suất này ổn định hơn cả. Đây cũng là lý do mà FDI vào các nước đang phát triển có xu hướng giảm mạnh hơn so với các khu vực khác (6). Điều này tạo nên những tác động tiêu cực nhất định đến việc thu hút FDI của Việt Nam.

Tác động từ cuộc xung đột giữa Nga - Ukraine. Tác động tiêu cực của xung đột này đã vượt ra ngoài phạm vi khu vực, gây ra cuộc khủng hoảng trên cả ba lĩnh vực: lương thực, nhiên liệu và tài chính, đẩy giá năng lượng và hàng hóa tăng cao dẫn đến lạm phát và vòng xoáy nợ ngày càng trầm trọng. Từ đó làm gia tăng tình trạng rủi ro, làm suy giảm niềm tin kinh doanh và đầu tư, ảnh hưởng đáng kể tới đà phục hồi FDI toàn cầu. Sự kéo dài của cuộc xung đột Nga - Ukraine đã làm gia tăng sự gián đoạn trong sản xuất và thương mại, làm trầm trọng thêm tình trạng lạm phát. Lạm phát gia tăng dẫn đến làn sóng thắt chặt chính sách tiền tệ diễn ra rộng khắp trên toàn thế giới với tốc độ nhanh chưa từng thấy trong nhiều thập niên gần đây. Quá trình thắt chặt chính sách được dự đoán sẽ diễn ra nhanh nhất tại các nước phát triển, như Mỹ và Anh, EU. Đây là yếu tố bất lợi cho quá trình thu hút FDI của Việt Nam trong thời gian tới.

*** Nhân tố chủ quan**

Việt Nam có môi trường kinh tế - chính trị ổn định. Sự ổn định về kinh tế - chính trị của Việt Nam là yếu tố đầu tiên các nhà đầu tư xem xét khi dự định đầu tư. Sự ổn định này bảo đảm cho tính nhất quán của chính sách thu hút FDI, tạo lập lòng tin vững chắc cho các nhà đầu tư. Nghị quyết số 50-NQ/TW, ngày 20/8/2019, của Bộ Chính trị về định hướng, hoàn thiện thể chế, chính sách nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 chỉ rõ, chủ động thu hút, hợp tác đầu tư nước ngoài có chọn lọc, lấy chất lượng, hiệu quả, công nghệ và bảo vệ môi trường là tiêu chí đánh giá chủ yếu. Việt Nam là một trong những quốc gia có độ mở nền kinh tế lớn trên thế giới, lên tới 200%

GDP. Đây là điều kiện thuận lợi để Việt Nam tăng cường củng cố nội lực, tăng trưởng bền vững. Bên cạnh đó, lạm phát và tỷ giá hối đoái được kiểm soát chặt chẽ, tạo sự ổn định chắc chắn trong các giao dịch quốc tế về cả hàng hóa và tài sản tài chính, tạo lợi thế nổi bật cho Việt Nam trong thu hút FDI.

Hệ thống pháp luật nhằm thu hút FDI của Việt Nam ngày càng hoàn thiện. Từ sau đổi mới, những nền tảng pháp lý cho đầu tư nước ngoài ở Việt Nam đã được xây dựng và hoàn thiện. Cơ sở pháp lý quan trọng nhất cho hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam là Luật Đầu tư. Luật Đầu tư nước ngoài năm 1987 (một trong những đạo luật đầu tiên của thời kỳ đổi mới, tạo môi trường pháp lý cao hơn để thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam) được ban hành, đánh dấu sự thay đổi có tính bước ngoặt về quan điểm và nhận thức của đầu tư nước ngoài. Cùng với Luật Công ty và Luật Doanh nghiệp tư nhân được ban hành năm 1990, Luật Đầu tư đã liên tục được sửa đổi và bổ sung 7 lần vào các năm 1990, 1992, 1996, 2000, 2005, 2014 và 2020. Quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm thu hút vốn FDI luôn bám sát và phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong từng thời kỳ và có quan hệ chặt chẽ với việc xây dựng và hoàn thiện khung pháp luật chung về kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa (3). Những quy định của Luật Đầu tư năm 2005 đã mở rộng quyền tự chủ trong hoạt động đầu tư, kinh doanh của các nhà đầu tư bằng việc xóa bỏ một loạt rào cản đầu tư không phù hợp với nền kinh tế thị trường và cam kết hội nhập của Việt Nam, tạo cơ sở pháp lý cho việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh theo hướng ngày càng thuận lợi, minh bạch và bình đẳng giữa các nhà đầu tư.

Nguồn nhân lực của Việt Nam tạo nên những thế mạnh nhất định trong thu hút FDI. Khi nói đến thế mạnh của Việt Nam trong thu hút FDI, một trong những yếu tố được nhắc đến thường xuyên chính là nguồn lao động dồi dào, chi phí thấp. Tuy nhiên, khó có thể nói rằng Việt Nam vẫn sẽ tiếp tục duy trì được thế mạnh này trong những năm tới. Cùng với các chính sách của chính phủ ưu tiên thu hút nguồn FDI chất lượng cao, giờ đây, một trong những vấn đề các doanh nghiệp FDI quan tâm khi đầu tư vào Việt Nam chính là “chất lượng nguồn

lao động”. Đánh giá về chất lượng nguồn lao động Việt Nam, báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) 2022 của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) chỉ ra rằng, vẫn còn nhiều dư địa để cải thiện chất lượng lao động ở Việt Nam. Theo đó, 54% doanh nghiệp FDI đánh giá chất lượng lao động chỉ đáp ứng nhu cầu ở mức trung bình. Khoảng 1/3 doanh nghiệp FDI đánh giá chất lượng lao động đáp ứng phần lớn nhu cầu của doanh nghiệp. Chỉ có 9% doanh nghiệp FDI hoàn toàn hài lòng với chất lượng nguồn nhân lực (6).

Vị trí địa lý và cơ sở hạ tầng. Việt Nam nằm ở vị trí huyết mạch của nền kinh tế khu vực nơi có các nền kinh tế phát triển mạnh và năng động, là động lực tăng trưởng của khu vực và thế giới. Là cầu nối giữa hai vùng kinh tế biển và kinh tế lục địa của các nước Đông Nam Á và châu Á, Việt Nam có điều kiện thuận lợi để tăng cường kết nối, thúc đẩy hợp tác và phát triển trong khu vực. Đây là những yếu tố tích cực thu hút các doanh nghiệp FDI đến đầu tư. Việt Nam cũng là quốc gia dẫn đầu châu Á về đầu tư cơ sở hạ tầng và đang chi khoảng 5,7% GDP cho lĩnh vực này, nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế, cải thiện đời sống và tăng cường khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu. Đây là điểm cộng trong mắt các nhà đầu tư nước ngoài. Dù vậy, Việt Nam vẫn chưa phải là quốc gia mạnh mẽ trong cơ sở hạ tầng. Sự thiếu đồng nhất, kết nối giữa các khu vực, chất lượng hạ tầng còn yếu là những điểm trừ trong thu hút FDI (2).

4. Một số giải pháp nhằm thu hút FDI

Một là, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Chính phủ cần đẩy mạnh quá trình cơ cấu lại nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, ổn định, bền vững, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi thông thoáng; Thường xuyên theo dõi, nắm chắc tình hình, dự báo, phân tích tình hình, không để bị động, bất ngờ; Tăng cường phối hợp chặt chẽ, hiệu quả với các bộ, cơ quan liên quan trong giải quyết, xử lý các công việc; Chủ động thực hiện tốt công tác nghiên cứu dự báo, nắm bắt kịp thời xu hướng chuyển dịch của vốn FDI trong thời gian tới.

Hai là, tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút FDI. Chú trọng rà soát lại các văn bản pháp luật về đầu tư nhằm nâng cao chất

lượng văn bản, giảm bớt những nội dung không tương thích với luật pháp quốc tế, cập nhật những cam kết quốc tế về mở cửa thị trường, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, lao động không cưỡng bức, tổ chức công đoàn độc lập... Xây dựng cơ chế quản lý linh hoạt, phù hợp với môi trường kinh doanh số, tạo không gian thuận lợi cho đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo.

Ba là, cải thiện cơ sở hạ tầng. Hạ tầng phục vụ thu hút FDI bao gồm hạ tầng cứng, hạ tầng mềm, hạ tầng kinh tế xã hội như: hạ tầng y tế, hạ tầng giáo dục, hạ tầng về chống biến đổi khí hậu... và hạ tầng số. Theo đó, Chính phủ cần xây dựng chiến lược quy hoạch để phát triển cơ sở hạ tầng cho phù hợp. Quy hoạch cơ sở hạ tầng phải gắn với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, gắn với chủ trương, đường lối của Đảng đã được Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đề ra. Bên cạnh đó, Chính phủ cần huy động mọi nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng, bao gồm cả nguồn lực nhà nước và cả nguồn lực của tư nhân, lấy nguồn lực của Nhà nước làm vốn môi dẫn dắt và kích hoạt mọi nguồn lực xã hội để tập trung cho đầu tư hạ tầng. Đồng thời đưa công nghệ hiện đại vào phát triển hạ tầng để đáp ứng các yêu cầu với mục tiêu: nâng cao chất lượng, giảm giá thành.

Bốn là, thu hút có chọn lọc các nguồn FDI. Chính phủ cần ưu tiên thu hút các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ sạch, quản trị hiện đại, có giá trị gia tăng cao, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu; Nghiên cứu ban hành và triển khai các tiêu chí sàng lọc đầu tư (suất đầu tư, lao động, công nghệ...) để làm cơ sở thu hút các dự án có hiệu quả; Nâng cấp tiêu chuẩn về môi trường trong thu hút đầu tư; Không chấp thuận các dự án không đáp ứng tiêu chuẩn; Xây dựng, hoàn thiện các chính sách ưu đãi đối với nguồn FDI xanh, bền vững.

Năm là, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ cho thu hút FDI. Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện và nâng cao chất lượng chất lượng giáo dục đào tạo, thay đổi phương thức giáo dục đào tạo, nhất là giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp; Đảm bảo quy mô, cơ cấu ngành nghề đào tạo cho phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; Xây dựng các mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp và thị trường lao động

theo từng vùng, từng địa phương phù hợp với từng nhóm đối tượng, trong đó chú trọng đối tượng đặc thù; Đẩy mạnh dự báo nhu cầu về đào tạo nghề nghiệp, đặc biệt là ngành nghề khoa học và kỹ thuật công nghệ, trong đó ưu tiên công nghệ thông tin, công nghệ mới, công nghệ cao.

5. Kết luận

Thu hút đầu tư FDI là động lực tăng trưởng, đóng góp quan trọng vào nền kinh tế Việt Nam ở hiện tại và tương lai. Dòng vốn đầu tư này chịu tác

động đa chiều từ các nhân tố khách quan và chủ quan. Với những lợi thế đang có như: chính trị, kinh tế vĩ mô ổn định và có nhiều tiềm năng phát triển, khả năng tiếp cận thị trường rộng lớn..., Chính phủ, chính quyền các cấp và cộng đồng doanh nghiệp cần chung tay triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm củng cố, tăng cường lợi thế, giảm thiểu những tác động tiêu cực từ các nhân tố chủ quan và khách quan, từ đó cải thiện môi trường đầu tư để thu hút hiệu quả các nguồn FDI trong thời gian tới ■

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN VÀ THAM KHẢO:

1. Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (tháng 1/2025). Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài tháng 1/2025. Truy cập tại <https://ipcsmpt.gov.vn/>.
2. Lê Thị Như Hằng, Nguyễn Đức Dương (2023). Các yếu tố ảnh hưởng đến tình hình thu hút FDI tại Việt Nam. Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số tháng 2/2023.
3. Phan Hữu Thắng (2021). FDI nhiệm vụ kép trong bối cảnh mới. Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
4. VNHN (2024). Nguồn nhân lực Việt Nam từ góc nhìn của doanh nghiệp FDI. Truy cập tại <https://vietnamhoinhap.vn/vi/nguon-nhan-luc-viet-nam-tu-goc-nhin-cua-doanh-nghiep-fdi-50372.htm>.
5. Simon J. Evenett and Johannes Fritz (2021). Advancing Sustainable Development With FDI - Why Policy Must Be Reset. The 27th Global Trade Alert Report, Centre for Economic Policy Research (CEPR).
6. UNCTAD (2020). World investment report 2020 - International production beyond the pandemic. United Nations Publications, New York, USA.

Ngày nhận bài: 1/12/2024

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 17/12/2024

Ngày chấp nhận đăng bài: 4/1/2025

FACTORS INFLUENCING VIETNAM'S FOREIGN DIRECT INVESTMENT ATTRACTION

● DUONG VAN HOP

Hong Bang International University

ABSTRACT:

This study provides an overview of the recent trends in foreign direct investment (FDI) attraction in Vietnam, analyzing both objective and subjective factors influencing this process. By examining reports from relevant authorities and incorporating insights from recent research, the study identifies key challenges and opportunities in FDI attraction. Based on these findings, the study proposes solutions to enhance Vietnam's competitiveness in attracting FDI in the coming years.

Keywords: FDI, investment environment, investment attraction, economy.